

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 109 /2021/HS-PT
Ngày: 02-7-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Giang

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Ngẫu;

Bà Nguyễn Thanh Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Hồng Phúc – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 6 và 02 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 89/2021/TLPT-HS ngày 07 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh T; do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2021/HS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

Bị cáo bị kháng nghị:

Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1969, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: ấp Đ, xã HT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: nguyên là Kế toán Phòng giáo dục huyện GD, tỉnh Tây Ninh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1943 (đã chết) và bà Phạm Thị N2, sinh năm 1943; có chồng tên Đỗ Quang Ngân H, sinh năm 1969 (đã chết); có 02 người con, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16-4-2019 đến ngày 26-4-2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng hình thức bảo lãnh.

Bị cáo có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trên cơ sở kết quả điều tra đã xác định được như sau: Ngày 25-9-2009, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện GD điều động Nguyễn Thị Thanh T nhân viên kế toán Trường Mầm non Liên Cơ đến nhận công tác tại Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện GD với nhiệm vụ nhân viên Thủ quỹ-Văn thư. Tháng 12-2011, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện GD truy thu tiền bảo hiểm thất nghiệp 01% của giáo viên từ tháng 01-2011 đến tháng 12-2011 đối với 47 trường học trên địa bàn huyện GD bao gồm: khối Mẫu giáo, Tiểu học và Trung học cơ sở chưa giao tự chủ và chưa có tài khoản riêng để nộp cho Bảo hiểm xã hội huyện GD, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại Nghị định 127/2008/NĐ-CP ngày 12-12-2008 của Chính phủ. Bà Trần Thị Kim P là Kế toán-Văn thư của Trường mẫu giáo Thị trấn được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện GD trưng dụng (nhưng không có quyết định, lương và các khoản phụ cấp bà P vẫn nhận tại Trường mẫu giáo Thị trấn) đến hỗ trợ ông Phạm Đức V là người phụ trách kế toán của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện GD, tỉnh Tây Ninh. Bà P được phân công nhiệm vụ lập bảng tổng hợp số tiền bảo hiểm thất nghiệp 01% của giáo viên 47 trường học phải nộp là 349.354.585 đồng và giao lại bảng tổng hợp cho bị cáo T thu tiền. Khi thủ quỹ của 47 trường học đến Phòng giáo dục và Đào tạo nhận tiền lương tháng 12-2011 của giáo viên và đóng số tiền bảo hiểm thất nghiệp 01% năm 2011 thì bị cáo T không làm phiếu thu mà lấy bảng tổng hợp của bà P đưa cho thủ quỹ của 47 trường ký xác nhận vào cột “**ký nhận**” sau khi thu xong bị cáo T không báo cho lãnh đạo, Kế toán của Phòng Giáo dục và Đào tạo để lên phiếu chi và thực hiện các thủ tục tiếp theo và không đem nộp số tiền trên cho Bảo hiểm xã hội huyện GD, tỉnh Tây Ninh. Đến năm 2014, Bảo hiểm xã hội huyện GD, tỉnh Tây Ninh kiểm tra thì phát hiện Phòng Giáo dục và Đào tạo còn nợ số tiền bảo hiểm thất nghiệp 349.354.585 đồng nên đã tiến hành đối chiếu với Kho bạc Nhà nước, Phòng Tài chính và Kế hoạch huyện GD, xác định số tiền trên Phòng Giáo dục và Đào tạo chưa thực hiện việc giao nộp. Đến tháng 12-2017, Bảo hiểm xã hội huyện GD có công văn yêu cầu Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện GD giao nộp lại số tiền bảo hiểm thất nghiệp của giáo viên năm 2011. Sau đó, Phòng Giáo dục và Đào tạo tiến hành kiểm tra lại chứng từ, sổ sách phát hiện số tiền thu bảo hiểm thất nghiệp của giáo viên 47 trường học, thủ quỹ T đã thu không nộp cho Bảo hiểm xã hội huyện GD nên đã báo cáo Thường trực huyện ủy GD và Ủy ban nhân dân huyện GD tiến hành thanh tra.

Tại Kết luận thanh tra số 616 ngày 31-5-2018, Ủy ban nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh kết luận: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện GD, tỉnh Tây Ninh còn nợ Bảo hiểm xã hội huyện GD tiền bảo hiểm thất nghiệp 01% của năm 2011 và

sự việc có dấu hiệu tội phạm nên đã chuyển hồ sơ sang Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện GD, tỉnh Tây Ninh để điều tra làm rõ.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: Bảng tổng hợp 01% tiền bảo hiểm thất nghiệp năm 2011 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện GD và danh sách thu tiền 01% bảo hiểm thất nghiệp của 12 giáo viên chuyển vùng công tác; giấy rút dự toán ngân sách hỗ trợ 02% cho giáo viên đóng bảo hiểm thất nghiệp năm 2011 do Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện GD giao nộp được đưa vào hồ sơ vụ án;

Quá trình điều tra, ngày 02-11-2018 bị cáo Nguyễn Thị Thanh T đã có đơn xin khắc phục hậu quả và nộp số tiền 349.355.000 đồng.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số: 30/2021/HS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh, đã xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thanh T phạm tội “Tham ô tài sản”.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 59 của Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ:

Miễn hình phạt cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh T.

Bản án còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh kháng nghị đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2021/HS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh theo hướng sửa bản án sơ thẩm, đề nghị áp dụng hình phạt tù và xử phạt bị cáo mức án từ 07 năm đến 08 năm tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh giữ nguyên Kháng nghị số 01/QĐ-VKSGD ngày 12-4-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

Trong phần tranh luận; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị: Bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, không thành khẩn nhận tội, quanh co chối cãi, không có căn cứ áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 59 của Bộ luật Hình sự để miễn hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Hình sự. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện GD. Sửa bản án sơ thẩm, đề nghị xử phạt bị cáo T từ 05 năm đến 06 năm tù.

Bị cáo T tham gia tranh luận: Tiền bảo hiểm thất nghiệp là tiền của cá nhân không phải tiền của tổ chức, việc truy tố và quy kết bị cáo tội tham ô tài sản là oan cho bị cáo. Có chứng từ giáo viên của từng trường học đã ký nhận không phải là ký nộp, định tội danh cho bị cáo là sai.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xem xét cho bị cáo về chứng từ bị cáo đã trình bày xong, vì sợ bị giam nên đã khắc phục xong sổ tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12-4-2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh có Kháng nghị số 01/QĐ-VKSGD, qua xem xét kháng nghị phù hợp trình tự, thủ tục quy định tại Điều 336; Điều 337; Điều 338 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thị Thanh T cho rằng quy kết bị cáo về tội “Tham ô tài sản” là không đúng, oan cho bị cáo, với các lý do: Tiền Bảo hiểm thất nghiệp là tiền của cá nhân, có lập danh sách cho các trường ký nhận và họ đã nhận đủ, theo Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cho rằng ký nhận là ký nộp là không phù hợp. Không có tài liệu nào chứng minh bị cáo tham ô, chiếm đoạt khoản tiền trên. Bị cáo khắc phục nộp tiền vì do sợ bị tạm giam. Bị cáo thấy bản thân có sai sót là không lên phiếu thu và phiếu chi.

[3] Xét về tội danh và lời trình bày của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện về nguồn thu bảo hiểm thất nghiệp của giáo viên và hình thức thu đã rõ, cụ thể:

Căn cứ vào Nghị định 127/2008/NĐ-CP ngày 12-12-2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về Bảo hiểm thất nghiệp; Thông tư số 96/2009/TT-BTC ngày 20-5-2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ tài chính đối với quỹ bảo hiểm thất nghiệp và Công văn số 1586/STC-NS ngày 28-12-2010 của Sở Tài chính ý kiến về kinh phí hỗ trợ đóng bảo hiểm thất nghiệp từ ngân sách Nhà nước. Phòng giáo dục và Đào tạo huyện GD được quyền tiến hành truy thu bảo hiểm thất nghiệp 1 % đối với tất cả giáo viên của 47 trường học trên địa bàn huyện GD thuộc sự quản lý của Phòng vì tại thời điểm này các trường chưa được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính, các khoản tiền giao dịch tài chính như: lương, các khoản tiền thâm niên nghề... giữa Phòng Giáo dục và các trường thực hiện bằng tiền mặt. Như vậy, có căn cứ pháp lý thể hiện về nguồn thu bảo hiểm thất nghiệp 1% của giáo viên các trường trực thuộc.

Về cách thu và hình thức thu: Thu từ tháng 01-2011 đến tháng 12-2011, trích từ lương tháng 12-2011 của giáo viên nên các trường tập trung về Phòng Giáo dục nhận lương và thực hiện thủ tục trích trừ và Bảo hiểm xã hội huyện GD là cơ quan nhận khoản tiền trên bằng hình thức nhận qua chuyển khoản. Bị cáo T thừa nhận có thực hiện việc thu khoản tiền trên, trên cơ sở chứng từ từ kế toán Trần Thị Kim P lập và đưa cho bị cáo thu.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án bị cáo thừa nhận hành vi:

Quá trình thanh tra từ 18-01-2018 đến 31-5-2018, điều tra và truy tố bị cáo T thừa nhận có thu khoản tiền bảo hiểm thất nghiệp nhưng đã trả lại cho các trường, giai đoạn thanh tra xác định là có 02 danh sách, 01 là danh sách thu, 02 là danh

sách chi, bị cáo sẽ cung cấp danh sách chi trả cho cơ quan có thẩm quyền nhưng đến nay không cung cấp được. Giai đoạn điều tra (BL 111-112 ngày 19-02-2019) bị cáo T khai: *“Thầy Vinh kêu tôi trả lại cho giáo viên các trường để tự mang đi nộp cho bảo hiểm xã hội, mà tôi không làm đúng quy định khi trả tiền không có làm phiếu chi và ghi vào sổ sách dẫn đến không có hồ sơ chứng minh”....* Đến giai đoạn truy tố tại biên bản phúc cung ngày 05-3-2019 (BL455) bị cáo xác định có thu tiền bảo hiểm thất nghiệp nhưng chưa đem nộp.

[4] Giai đoạn xét xử sơ thẩm: Ngày 28-3-2019, Tòa án nhân dân huyện GD thụ lý hồ sơ vụ án và tiến hành bắt giam bị cáo chuẩn bị xét xử, vào ngày 27-5-2019 bị cáo có đơn kêu cứu khẩn cấp, sau 01 năm 04 tháng thanh tra, điều tra, truy tố. Ngoài việc thay đổi lời khai bị cáo không có cung cấp chứng cứ, tài liệu chứng minh.

[5] Nhận thấy, vụ án xảy ra từ tháng 12 năm 2011 đến năm 2014 Bảo hiểm xã hội huyện GD mới phát hiện và có văn bản yêu cầu thực hiện, từ đó vụ việc được thanh tra, điều tra để làm rõ, thời gian qua lâu hiện tại bị cáo không còn công tác tại Phòng Giáo dục huyện GD, nên bị cáo không còn tài liệu, chứng cứ để chứng minh.

[5.1] Quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy: Căn cứ khởi tố điều tra, truy tố và xét xử bị cáo T là các tài liệu “ **BẢNG TỔNG HỢP 1% BHTN Từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2011**” (bản chính) do Trần Thị Kim P – kế toán Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện GD lập, thì có 02 loại đối tượng để thu, thứ nhất là giáo viên đang giảng dạy tại các trường trực thuộc Phòng Giáo dục quản lý và đối tượng thứ hai là giáo viên chuyển công tác ra ngoài huyện và giáo viên về hưu, loại đối tượng thứ hai là do Bộ phận tài vụ của Phòng Giáo dục thu. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T trình bày không có thu tiền thuộc đối tượng thứ hai, lời trình bày của bị cáo phù hợp với lời khai của ông Vinh, ông Thành..... Tại Bản kết luận điều tra, Cáo trạng xác định bị cáo T chiếm đoạt số tiền **349.354.585 đồng** nhưng thực tế cộng các bảng tổng hợp thuộc đối tượng 1 (có 6 bảng tổng hợp) do bị cáo T thu với số tiền là **347.571.936 đồng**, phù hợp với báo cáo giải trình của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T đề ngày 11-12-2017 (BL 834), còn lại số tiền **1.712.288 đồng** là truy thu của giáo viên thuộc đối tượng thứ hai, không thuộc trường hợp của bị cáo T thu. Trong khi tại biên bản xác nhận số liệu bảo hiểm thất nghiệp giữa Phòng Giáo dục huyện GD và Bảo hiểm xã hội huyện GD (BL 447) là số tiền **350.720.143 đồng**. Như vậy, cấp sơ thẩm chưa làm rõ được số tiền truy tố, xét xử bị cáo T. Chưa làm rõ ai là người trực tiếp thu số tiền bảo hiểm thất nghiệp 1% đối với giáo viên đã chuyển công tác ra ngoài huyện và giáo viên về hưu để đánh giá chính xác, khách quan vụ án.

[5.2] Thời gian xảy ra vụ án đến khi khởi tố là 07 năm và ngoài chứng cứ là 06 bảng tổng hợp 1% trên mà bị cáo đã không thừa nhận (vì cho rằng ký nhận là nhận lại tiền bị cáo chi trả), hồ sơ vụ án còn thể hiện nguồn chứng cứ là Phiếu chi lương tháng 12-2011 của Phòng Giáo dục huyện GD (BL 936) với số tiền 333.448.049 đồng và các phiếu chi của các trường vào thời điểm tháng 12-2011, để đảm bảo chứng cứ vững chắc khi xét xử vụ án, xét thấy cần thiết phải tiến

hành giám định tài chính (theo khoản 6 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP ngày 13-12-2017) đối với các phiếu chi kèm theo chứng từ và cần xác định thời gian 47 trường học nhận lương tháng 12-2011 có phù hợp với sổ hợp của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện GD cung cấp (BL611 và BL870) hay không. Do đó, cấp sơ thẩm điều tra chưa đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được.

[6] Xét bản án sơ thẩm số 30/2021/HSST ngày 30-3-2021 của Tòa án huyện GD đã xử có những sai sót:

Bị cáo đã không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng bản án tuyên bố bị cáo phạm tội nên không có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không có điều kiện để áp dụng chính sách **khoan hồng đặc biệt** miễn hình phạt. Không đủ các điều kiện quy định tại điểm a, b, c, d khoản 3 Điều 5 Nghị quyết 03/2020/ NQ-HĐTP ngày 30-12-2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[7] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện GD, thấy rằng: Bản án sơ thẩm không áp dụng hình phạt đối với bị cáo, nếu cấp phúc thẩm áp dụng hình phạt với mức án nhất định sẽ tước quyền kháng cáo của bị cáo, ảnh hưởng đến quyền của bị cáo được quy định tại Điều 61 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó không có căn cứ chấp nhận về việc đề xuất mức hình phạt của Viện kiểm sát. Có căn cứ chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện GD về việc không áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Do cấp sơ thẩm điều tra chưa đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Bản án sơ thẩm áp dụng miễn hình phạt là không có căn cứ và có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật, không thuộc trường hợp sửa bản án. Do đó, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo thủ tục chung.

Án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1/. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 1, điểm d, đ khoản 2 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần Kháng nghị số 01/2-21/QĐ-VKSGD ngày 12-4-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện GD tỉnh Tây Ninh.

Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 30/2021/HSST ngày 30-3-2021 của Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh để điều tra, xét xử lại theo thủ tục chung.

2/. Án phí: Bị cáo không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- Vụ Giám đốc kiểm tra TANDTC (Vụ1)
- VKSND tỉnh TN;
- Phòng PV 06;
- Sở tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Công an huyện Gò Dầu;
- TAND huyện Gò Dầu;
- CCTHADS huyện Gò Dầu;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Bị cáo;
- Lưu THS; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Thanh Giang